

# THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200380768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 16/02/2000, đăng ký thay đổi lần 20 ngày 22 tháng 04 năm 2020)*

Địa chỉ: Số Số 271 Lê Thánh Tông, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0225 382 2329

Fax: 0225 374 5679

Website: [www.traco.vn](http://www.traco.vn)

## PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên : Nguyễn Quốc Văn

Chức vụ : Người phụ trách Công bố thông tin

Điện thoại : 0225 382 2329

Fax : 0225 374 5679

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2020

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                      |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH                                                                                               | 4  |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển                                                                                                        | 4  |
| 2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý                                                                                                                     | 12 |
| 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông ngày 20/05/2020 | 17 |
| 4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức giao dịch                                                                                   | 18 |
| 5. Hoạt động sản xuất kinh doanh                                                                                                                     | 18 |
| 6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm gần đây:                                                                            | 20 |
| 7. Vị thế trong ngành                                                                                                                                | 21 |
| 8. Chính sách với người lao động                                                                                                                     | 24 |
| 9. Chính sách cổ tức                                                                                                                                 | 25 |
| 10. Tình hình tài chính                                                                                                                              | 26 |
| 11. Tài sản                                                                                                                                          | 31 |
| 12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo                                                                                                       | 31 |
| 13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch                                                                    | 33 |
| 14. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh của Công ty                                                                                         | 33 |
| 15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty                                                                                    | 33 |
| II. QUẢN TRỊ CÔNG TY                                                                                                                                 | 34 |
| 1. Hội đồng quản trị                                                                                                                                 | 34 |
| 2. Ban kiểm soát                                                                                                                                     | 39 |
| 3. Ban lãnh đạo công ty                                                                                                                              | 44 |
| 4. Kế hoạch tăng cường công tác quản trị                                                                                                             | 47 |
| III. PHỤ LỤC                                                                                                                                         | 47 |
| 1. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán                                                                                                | 47 |
| 2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019                                                                                                              | 47 |

## CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

|         |                                   |
|---------|-----------------------------------|
| Công ty | : Công ty cổ phần Vận tải 1 Traco |
| HDQT    | : Hội đồng Quản trị               |
| ĐKSH    | : Đăng ký sở hữu                  |
| BCTC    | : Báo cáo tài chính               |
| BKS     | : Ban kiểm soát                   |
| HĐKD    | : Hoạt động kinh doanh            |
| CTCP    | : Công ty cổ phần                 |
| DNNN    | : Doanh nghiệp Nhà nước           |
| CBNV    | : Cán bộ nhân viên                |
| TSCĐ    | : Tài sản cố định                 |
| TSCĐHH  | : Tài sản cố định hữu hình        |
| TSCĐVH  | : Tài sản cố định vô hình         |
| CMND    | : Chứng minh nhân dân             |
| LNST    | : Lợi nhuận sau thuế              |
| DTT     | : Doanh thu thuần                 |
| VLĐ     | : Vốn lưu động                    |
| KCN     | : Khu công nghiệp                 |
| VNĐ     | : Việt Nam Đồng                   |





## I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

|                                  |   |                                                                                      |
|----------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên tiếng Việt                   | : | Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco                                                      |
| Tên tiếng Anh                    | : | Traco Transport Joint Stock Corporation No.1                                         |
| Tên viết tắt                     | : | TRACO                                                                                |
| Địa chỉ trụ sở chính             | : | 271 Lê Thánh Tông, Phường Máy Chai, Quận<br>Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam |
| Người đại diện theo pháp<br>luật | : | Bà Đỗ Thị Bích Thủy – Chủ tịch HĐQT<br>Ông Đỗ Minh Tuấn – Tổng Giám đốc              |
| Điện thoại                       | : | 0225. 382 2329                                                                       |
| Fax                              | : | 0225.374 5679                                                                        |
| Email                            | : | <a href="mailto:vantracoi@gmail.com">vantracoi@gmail.com</a>                         |
| Website                          | : | <a href="http://www.traco.vn">www.traco.vn</a>                                       |

Logo

:



Vốn điều lệ đăng ký :

45.924.900.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp :

45.924.900.000 đồng

Giấy chứng nhận đăng ký  
kinh doanh

:

Số 0200380768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư  
Thành Phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày  
16/02/2000, đăng ký thay đổi lần 20 ngày 22  
tháng 04 năm 2020

Ngày được UBCKNN chấp  
thuận hồ sơ đăng ký công ty  
đại chúng

:

04/10/2007



- **Ngành, nghề kinh doanh chính:** Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. (Mã ngành: 5229).
- **Sản phẩm, dịch vụ chính:**
  - + Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan;
  - + Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
  - + Hoạt động đóng gói liên quan đến vận tải;
  - + Hoạt động môi giới tàu biển;
  - + Dịch vụ Logistics;
  - + Dịch vụ đại lý tàu biển;
  - + Dịch vụ cung ứng tàu biển;
  - + Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

## 1.2. Thông tin về Chứng khoán đăng ký giao dịch

|                                    |   |                     |
|------------------------------------|---|---------------------|
| Loại chứng khoán                   | : | Cổ phần phổ thông   |
| Mệnh giá                           | : | 10.000 đồng/cổ phần |
| Mã chứng khoán                     | : | TR1                 |
| Tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch | : | 4.592.490 cổ phiếu  |
| Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng     | : | Không có            |

- **Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:**

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam cùng các văn bản pháp luật có liên quan khác.

**Đến ngày 20/05/2020 nhà đầu tư nước ngoài đang sở hữu 0% cổ phần của công ty.**

## 1.3. Quá trình hình thành và phát triển

- **Năm 1969:** TRACO tiền thân là Công ty Đại lý Vận tải & Liên hiệp vận chuyển được bộ GTVT thành lập ngày 17/12/1969, là doanh nghiệp đầu tiên của Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực Đại lý Vận tải, Liên hiệp Vận chuyển, Giao nhận Kho vận, Dịch vụ Logistics, v.v..
- **Năm 1999:** Ngày 17/12/1999, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 3589/1999/QĐ-BGTVT ngày 17/12/1999 về việc Phê duyệt phương án Cổ phần hóa và chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Vận tải số I thành Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco theo giấy chứng nhận đăng ký



kinh doanh số 0203000002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 16/02/2000 với vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng).

- TRACO là hội viên của: Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA); Liên đoàn Các hiệp hội Giao nhận Kho vận Quốc tế (FIATA); Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI); Câu lạc bộ các Nhà công thương Việt Nam (VTC); Hiệp hội Đại lý & Môi giới Hàng hải Việt Nam (VISABA); Hiệp hội Vận tải Ô tô Việt Nam (VATA); Hiệp hội vận tải hàng hóa Đường bộ Hải Phòng (VHATA) và v.v..
- **Năm 2015:** Traco nằm trong TOP 20 Doanh nghiệp Logistics Việt Nam năm 2015 & 2016 của VLA, cung cấp dịch vụ 3PL/4PL và các giải pháp chuỗi logistics. Thương hiệu TRACO đã được Viện sở hữu Trí tuệ và Hiệp hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam cấp giấy chứng nhận Thương hiệu nổi tiếng năm 2015 & năm 2016.
- **Năm 2019:**
  - Traco vinh dự nằm trong TOP10 Doanh nghiệp Logistics hàng đầu Việt Nam, TOP 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam theo công bố Bảng xếp hạng FAST500 bởi Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report).
- **Năm 2020:**
  - Ngày 17/03/2020, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ nhất số 67/2019/GCNCP-VSD-1 với tổng số lượng chứng khoán đăng ký là 4.592.490 cổ phiếu.
  - Hiện nay, Công ty đang hoạt động với vốn điều lệ là 45.924.900.000 đồng theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0200380768 đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 22/4/2020.

#### 1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ đăng ký lần đầu của Công ty tại ngày 16/02/2000 là 5.000.000 đồng (Năm tỷ đồng). Đến nay, vốn điều lệ Công ty là 45.924.900.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ chín trăm hai mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng). Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

| Đợt      | Thời điểm  | VĐL tăng thêm (nghìn đồng) | VĐL sau khi tăng (nghìn đồng) | Hình thức tăng vốn | Cơ sở pháp lý                                                            |
|----------|------------|----------------------------|-------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 1<br>(*) | 24/03/2006 | 10.000.000                 | 15.000.000                    |                    | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 24/03/2006. |



| Đợt      | Thời điểm  | VĐL tăng thêm (nghìn đồng) | VĐL sau khi tăng (nghìn đồng) | Hình thức tăng vốn                                                                                                            | Cơ sở pháp lý                                                                                                                                                                                                                                            |
|----------|------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2<br>(*) | 08/10/2007 | 5.852.250                  | 20.852.250                    |                                                                                                                               | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 22/08/2009.                                                                                                                                                                                 |
| 3<br>(*) | 18/03/2011 | 1.021.810                  | 21.874.060                    | Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.                                               | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 18/03/2011.                                                                                                                                                                                |
| 4<br>(*) | 22/07/2013 | 665.630                    | 22.539.690                    | Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.                                               | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 22/07/2013.                                                                                                                                                                                |
| 5        | 31/03/2016 | 7.887.860                  | 30.427.550                    | + Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.<br>+ Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 tỷ lệ 30%. | + Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 38/NQ.ĐHDCĐ ngày 28/09/2015.<br>+ Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 39/NQ.HĐQT ngày 02/10/2015.<br>+ Công văn số 232/UBCKNN-QLCB V/v Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành |



| Đợt | Thời điểm  | VĐL tăng thêm (nghìn đồng) | VĐL sau khi tăng (nghìn đồng) | Hình thức tăng vốn                                                              | Cơ sở pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------|----------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                            |                               |                                                                                 | cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ngày 14/01/2016.<br>+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200380768 đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 31/03/2016.                                                                                                                                                                                            |
| 6   | 03/05/2017 | 1.521.370                  | 31.948.920                    | Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty. | + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 29/04/2016.<br>+ Nghị quyết HĐQT số 03/NQ-HĐQT ngày 19/11/2016 về việc bán cổ phiếu cho NLĐ.<br>+ Công văn số 672/UBCK-QLCB V/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động công ty ngày 09/02/2017.<br>+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200380768 đăng |



| Đợt | Thời điểm  | VĐL tăng thêm (nghìn đồng) | VĐL sau khi tăng (nghìn đồng) | Hình thức tăng vốn                                      | Cơ sở pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|------------|----------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                            |                               |                                                         | ký thay đổi lần thứ 16 ngày 03/05/2017.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 7   | 16/04/2018 | 6.389.070                  | 38.337.990                    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 1 năm 2017 tỉ lệ 20%. | <p>+ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản số 02/NQ-ĐHCD ngày 13/10/2017.</p> <p>+ Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-HĐQT V/v Phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 ngày 30/09/2017.</p> <p>+ Nghị quyết HĐQT số 05/NQ-HĐQT V/v Triển khai thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 ngày 13/10/2017.</p> <p>+ Công văn số 7986/UBCK-QLCB V/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 24/11/2017.</p> |

| Đợt | Thời điểm  | VĐL tăng thêm (nghìn đồng) | VĐL sau khi tăng (nghìn đồng) | Hình thức tăng vốn                                                              | Cơ sở pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------|----------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                            |                               |                                                                                 | + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200380768 đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 12/06/2018.                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 8   | 12/06/2018 | 1.597.440                  | 39.935.430                    | Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty. | + Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2017.<br>+ Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-HĐQT Về việc bán CP cho NLD ngày 24/02/2018.<br>+ Công văn số 1867/UBCK-QLCB V/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty ngày 29/03/2018.<br>+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200380768 đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 16/04/2018. |



| Đợt | Thời điểm  | VĐL tăng thêm (nghìn đồng) | VĐL sau khi tăng (nghìn đồng) | Hình thức tăng vốn                                      | Cơ sở pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|------------|----------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9   | 21/02/2020 | 5.989.470                  | 45.924.900                    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 3 năm 2018 tỉ lệ 15%. | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 27/06/2019.</li> <li>+ Nghị quyết HĐQT số 05/NQ-HĐQT ngày 24/02/2018</li> <li>+ Công văn số 1090/UBCK-QLCB V/v Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 21/02/2020</li> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200380768 đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 22/04/2020.</li> </ul> |

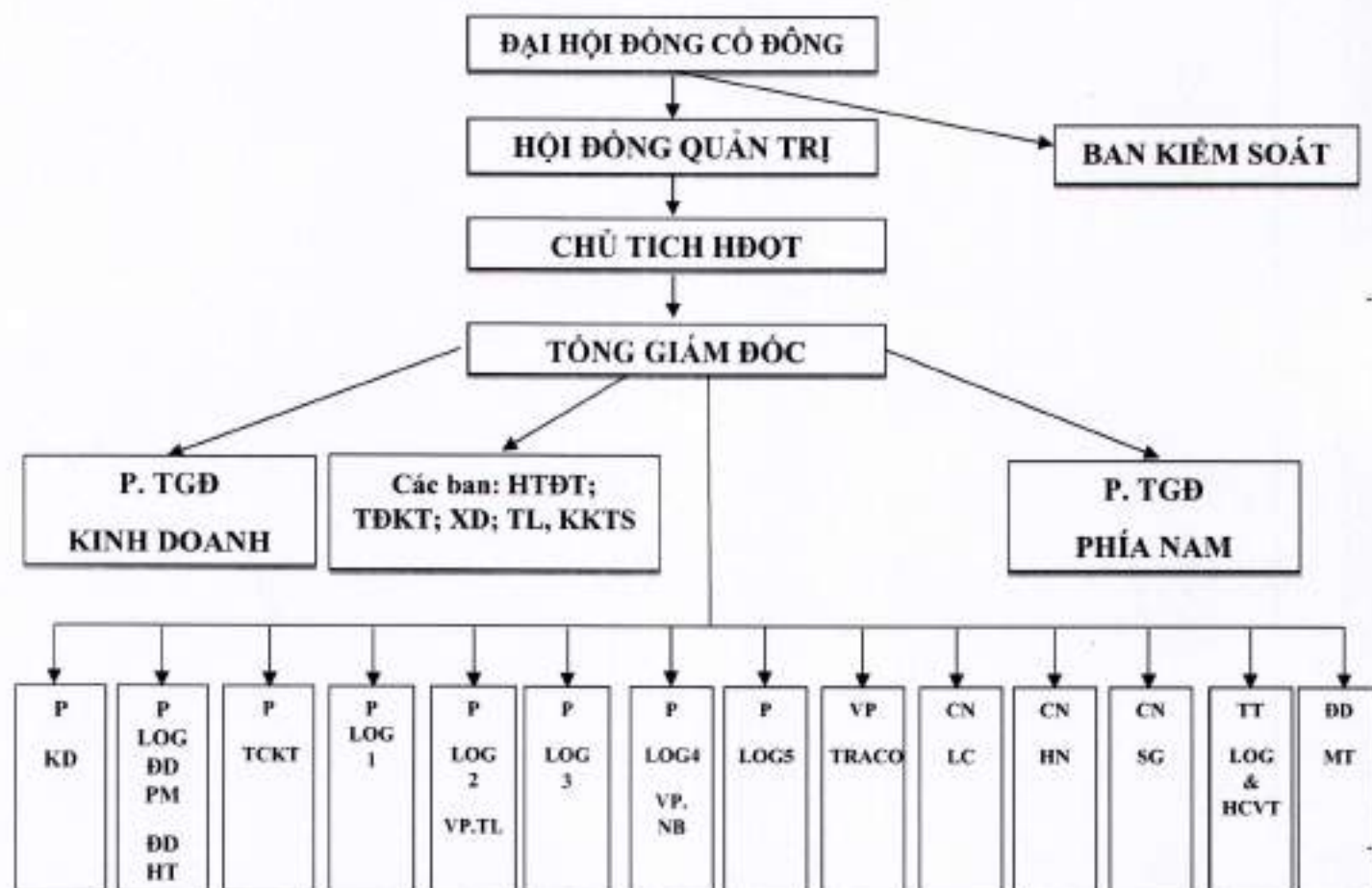
(\*): Tháng 10/2017 Công ty chuyển văn phòng từ số 45 Đinh Tiên Hoàng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng về địa chỉ số 271 Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Do sơ suất trong quá trình chuyển địa điểm làm việc, Công ty không còn lưu trữ tài liệu liên quan đến những đợt tăng vốn này. Tuy nhiên, Công ty cam kết các đợt tăng vốn trên đều báo cáo các cơ quan có thẩm quyền và làm theo đúng quy định của pháp luật. Công ty xin cam đoan và chịu trách nhiệm về việc thực hiện này.





## 2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Hình 1: Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty



➤ **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ chính như sau:

- + Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ.
- + Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
- + Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị.
- + Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.
- + Và các nhiệm vụ khác.

➤ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị gồm 05 (năm) người, trong đó 01 (một) Chủ tịch và 04 (bốn) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và của thành viên Hội đồng quản trị tối đa là 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco.

➤ **Ban Kiểm soát:**

Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm.

Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ.

Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco.

➤ **Tổng giám đốc:**

Tổng giám đốc là người quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.





➤ **Phòng Kinh doanh:**

**a. Chức năng**

- Tham mưu:
  - + Chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - + Tổng hợp kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư.
  - + Thiết kế các chuỗi Dịch vụ LOG theo tuyến vận tải (phân bón, nguyên liệu sản xuất phân bón, hóa chất, hàng rời,...).
- Thực hiện:
  - + Kiểm soát các chuỗi.
  - + Điều phối các chuỗi mới.

**b. Nhiệm vụ:**

- Phân tích thị trường, khách hàng, nhà cung ứng, hạ tầng LOG, đối thủ cạnh tranh...Tham mưu chiến lược sản xuất kinh doanh, tổng hợp kế hoạch năm, quý, tháng, tuần.
- Chủ động nghiên cứu yêu cầu của khách hàng, năng lực nhà cung ứng. Khả năng của Traco...Thiết kế chuỗi Dịch vụ LOG, xác lập phương án kinh tế, tham mưu hợp đồng kinh tế...
- Quản lý rủi ro, hỗ trợ sai hỏng.
- Quản lý tổng hợp hàng hóa, quyết toán lô hàng, hợp đồng, phân tích chất lượng hiệu quả.

➤ **Phòng TCKT:**

**a. Chức năng**

- Tham mưu quản trị tài chính, kế toán doanh nghiệp.
- Thực hiện công tác tài chính, kế toán.

**b. Nhiệm vụ**

- Tham mưu quy chế quản trị tài chính..
- Tham mưu kế hạch giá thành, huy động sử dụng vốn tài sản.
- Thực hiện công tác kế toán doanh nghiệp, kiểm soát chi phí, doanh thu, các khoản phải thu của khách hàng, thanh toán với Nhà cung ứng, quản lý thu chi,...

➤ **Văn phòng Công ty**

**a. Chức năng**

- Tham mưu quản trị nhân lực.
- Thực hiện quản lý nhân lực, tài sản, quản lý hành chính, văn thư, lưu trữ, trật tự nội vụ.

**b. Nhiệm vụ**

- Tham mưu quản trị nhân lực.
- Thực hiện quản trị văn phòng Công ty.
- Thực hiện công tác nội chính, hành chính.
- Quản lý tài sản, kiến trúc, xe con.
- Chịu trách nhiệm phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động, mua sắm vật tư sản xuất.





➤ **Phòng LOG Đại diện Phú Mỹ và Đại diện Hà Tĩnh**

**a. Chức năng**

- Tham mưu thiết kế, kiểm soát các chuỗi mặt hàng: tôn cuộn, sắt thép, nông sản...
- Điều phối thực hiện các chuỗi mặt hàng nêu trên.

**b. Nhiệm vụ**

- Phân tích thị trường, khách hàng, nhà cung ứng, hạ tầng LOG, đối thủ cạnh tranh, xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng, tuần, lô hàng.
- Chủ động nghiên cứu yêu cầu của khách hàng, thiết kế chuỗi, xác định phương án kinh tế. Tham mưu hợp đồng kinh tế, tổ chức thực hiện, quản lý rủi ro, xử lý sai hỏng.
- Kiểm tra khắc phục sự cố, thông tin, báo cáo.

➤ **Phòng LOG 1**

**a. Chức năng**

- Điều phối chuỗi tuyến: Trung Quốc -:- Lào Cai -:- Hải Phòng -:- Sài Gòn và ngược lại.
- Tham mưu các giải pháp ổn định phát triển thị phần thị trường.

**b. Nhiệm vụ**

- Marketing nắm vững thị trường, thị phần doanh nghiệp; Thấu hiểu yêu cầu của khách hàng; Năng lực của nhà cung ứng, hạ tầng Log...
- Thống nhất kế hoạch với phòng Kinh doanh, với khách hàng, nhà cung ứng...phổ biến nội bộ.
- Xác lập phương án sản xuất: Điều động phương tiện, điều độ sản xuất. Phân phối hàng hóa, kiểm soát giao nhận.
- Sáng tạo các giải pháp tổ chức sản xuất, lường trước bất trắc, kịp thời điều chỉnh, xử lý sai hỏng...
- Kiểm tra sản xuất, xác lập chứng từ Giao nhận vận tải, thanh toán cước phí, chi phí...
- Thông tin, thống kê, báo cáo...

➤ **Phòng LOG 2**

**a. Chức năng**

- Điều phối chuỗi tuyến KCN Tăng Loàng -:- Hải Phòng – Sài Gòn Campuchia và ngược lại
- Tham mưu các giải pháp ổn định phát triển thị phần thị trường.

**b. Nhiệm vụ**

- Như phòng LOG 1.

➤ **Phòng LOG 3**

**a. Chức năng**

- Điều phối chuỗi tuyến Lâm Thao, Hà Bắc, Cao Bằng -:- Hải Phòng – Sài Gòn và xuất khẩu, hàng nhập khẩu.
- Tham mưu các giải pháp ổn định phát triển thị phần thị trường.



**b. Nhiệm vụ**

- Như phòng LOG 1.

➤ **Phòng LOG 4**

**a. Chức năng**

- Điều phối chuỗi tuyến DAP Đình Vũ, Ninh Bình :- miền Trung, Sài Gòn, Cần Thơ...
- Tham mưu các giải pháp ổn định phát triển thị phần, thị trường.

**b. Nhiệm vụ**

- Như phòng LOG 1.

➤ **Phòng LOG 5**

**a. Chức năng**

- Điều phối chuỗi tuyến từ Lào, KCN Formosa đi các nước Việt Nam, Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Trung Quốc.
- Tham mưu các giải pháp ổn định phát triển thị trường khu vực: Thanh Hóa :- Đà Nẵng, Cộng hòa dân chủ nhân dân (CHDCND)Lào.
- Đại diện của Traco tại CHDCND Lào.
- Thực hiện chức năng điều phối tại CHDCND Lào.

**b. Nhiệm vụ**

- Như phòng LOG 1

➤ **TT LOG & Hậu cần vận tải**

**a. Chức năng**

- Tham mưu kinh doanh bãi Traco Đình Vũ.
- Tham mưu đầu tư, khai thác đội xe tải chủ lực.
- Tham mưu đầu tư các dịch vụ hỗ trợ vận tải: kinh doanh xăng dầu, sửa chữa, đăng kiểm...

**b. Nhiệm vụ**

- Tổ chức kinh doanh bãi Traco Đình Vũ.
- Tổ chức kinh doanh đội xe tải chủ lực.
- Tổ chức kinh doanh dịch vụ hỗ trợ vận tải.
- Quản lý bảo vệ an toàn kho bãi, phương tiện, tài sản.

➤ **Traco Lào Cai**

**a. Chức năng**

- nắm vững thị trường, thị phần doanh nghiệp, tình hình khách hàng, nhà cung ứng..để tham mưu và thực hiện nhiệm vụ P. LOG 1.

**b. Nhiệm vụ**

- Nằm trong nhiệm vụ P. LOG 1.

➤ **Traco Hà Nội**

**a. Chức năng**

- Tự chủ động các hoạt động sản xuất kinh doanh, hạch toán báo cáo sổ sách độc lập.

**b. Nhiệm vụ**





- Đảm bảo lợi nhuận trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ **Traco Sài Gòn**

**a. Chức năng**

- Tham mưu: Phát triển thị trường khu vực Sài Gòn, Campuchia.
- Thiết kế kiểm soát các chuỗi tuyến Sài Gòn → Hải Phòng, Campuchia ↔ Sài Gòn → Hải Phòng.
- Kiểm soát các chuỗi đến khu vực Sài Gòn.

**b. Nhiệm vụ**

- Marketin nắm vững thị trường doanh nghiệp; Khách hàng; nhà cung ứng, hạ tầng Log. Tham mưu phát triển thị trường doanh nghiệp.
- Chủ động nghiên cứu yêu cầu của khách hàng, thiết lập chuỗi dịch vụ Log, xác lập phương án kinh tế, tham mưu hợp đồng kinh tế.
- Tổ chức sản xuất: điều động phương tiện, điều độ sản xuất, phân phối hàng hóa, kiểm soát giao nhận.
- Kiểm tra sản xuất, xác lập chứng từ giao nhận vận tải,...thống kê, báo cáo định kỳ.
- Chủ trì giao ban tuần, tháng. Tổng hợp báo cáo định kỳ.

**3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông ngày 20/05/2020**

**3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại ngày 20/05/2020**

| TT               | Họ và tên         | Số CMND/Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD | Địa chỉ                                                                                | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%)    |
|------------------|-------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------|
| 1                | Đỗ Thị Bích Thủy  | 031168001200                | Số 7+9/14 Đường Bảo Phúc, phường Đăng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng            | 335.392          | 7,30         |
| 2                | Nguyễn Minh Tuấn  | 031083007490                | Số 6/17 Kiều Sơn, phường Đăng Lâm, Hải An, thành phố Hải Phòng                         | 319.137          | 6,95         |
| 3                | Đỗ Minh Tuấn      | 031061000894                | Số 03/112 Lê Lợi, quận Ngô Quyền, Hải Phòng                                            | 314.168          | 6,84         |
| 4                | Lê Văn Minh       | 031091009816                | Biệt thự Vĩnh Phúc, ngõ 17 Kiều Sơn, phường Đăng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | 294.903          | 6,42         |
| 5                | Trần Đức Thành    | 031127467                   | xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng                                        | 279.512          | 6,09         |
| 6                | Nguyễn Văn Nhội   | 031050001379                | Số 06, Ngõ 17, Đường Kiều Sơn, quận Đăng Lâm, phường Hải An, Hải Phòng                 | 268.355          | 5,84         |
| 7                | Đỗ Thị Thùy Dương | 031189000937                | Số 3/112 Lê Lợi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng                                   | 257.034          | 5,60         |
| <b>Tổng cộng</b> |                   |                             |                                                                                        | <b>2.068.501</b> | <b>45,04</b> |

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 20/05/2020 của CTCP Vận tải 1 Traco)



### 3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 16/02/2000, do đó số lượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

### 3.3. Cơ cấu cổ đông chốt theo danh sách chốt ngày 20/05/2020

| STT        | Cổ đông             | Số lượng cổ đông | Số CP sở hữu     | Giá trị (theo mệnh giá) (đồng) | Tỷ lệ %/VDL   |
|------------|---------------------|------------------|------------------|--------------------------------|---------------|
| <b>I</b>   | <b>Trong nước</b>   | <b>194</b>       | <b>4.592.490</b> | <b>45.924.900.000</b>          | <b>100,0%</b> |
| 1          | Tổ chức trong nước  | -                | -                | -                              | -             |
| 2          | Cá nhân trong nước  | 194              | 4.592.490        | 45.924.900.000                 | 100,0%        |
| <b>II</b>  | <b>Nước ngoài</b>   | <b>-</b>         | <b>-</b>         | <b>-</b>                       | <b>-</b>      |
| <b>III</b> | <b>Cổ phiếu quỹ</b> | <b>-</b>         | <b>-</b>         | <b>-</b>                       | <b>-</b>      |
|            | <b>Tổng cộng</b>    | <b>194</b>       | <b>4.592.490</b> | <b>45.924.900.000</b>          | <b>100,0%</b> |

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 20/05/2020 của CTCP Vận tải 1 Traco)

## 4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức giao dịch

### 4.1. Công ty mẹ

Không có

### 4.2. Công ty con, công ty liên kết

Không có

### 4.3. Những công ty mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

## 5. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hiện nay các hoạt động kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Hoạt động Logistics
- Hoạt động vận tải
- Hoạt động kho bãi
- Hoạt động thương mại
- Hoạt động khác

### • Sản phẩm dịch vụ của Traco

- **Chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics:** Traco tổ chức các chuỗi dịch vụ Logistics phục vụ nhu cầu xã hội nhất là các khách hàng lớn. Các mặt hàng tiêu biểu như: lưu huỳnh, phân bón, sắt thép,...



- **Hệ thống kho bãi:** Dịch vụ kho bãi là một mắt xích quan trọng cấu thành chuỗi cung ứng Logistics. Traco cung cấp các giải pháp lưu trữ và phân phối hàng hóa thông qua mạng lưới kho bãi tại các đầu mối giao thông vận tải như: cụm kho Lào Cai, cụm kho Hải Phòng, cụm kho Cửa Lò, cụm kho Sài Gòn,...



- **Vận tải hàng hóa:** Traco đầu tư, liên kết, huy động sử dụng số lượng lớn phương tiện vận tải, xếp dỡ,... ở các đầu mối giao thông vận tải (cảng, ga trung tâm logistics, khu công nghiệp, cửa khẩu quốc tế,...) để tổ chức vận chuyển hàng hóa tại các đầu mối theo yêu cầu của khách hàng. Năng lực, phương tiện, thiết bị của các nhà cung ứng được kết hợp khoa học, có tổ chức chức thông qua hệ thống giám sát của TRACO tạo nên chuỗi dịch vụ logistics hoàn chỉnh, nâng cao năng suất vận tải, có sức cạnh tranh cao để: Gia tăng giá trị cho khách hàng, nhà cung ứng, giảm chi phí xã hội,...
- **Dịch vụ thương mại:** Với bề dày kinh nghiệm, các chuyên viên marketing sẵn sàng tư vấn cho khách hàng trong việc đàm phán ký kết các hợp đồng thương mại với đối tác nước ngoài với mục đích hỗ trợ khách hàng, mở rộng mạng lưới dịch vụ logistics của Traco, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.
- **Hoạt động khác:** Ngoài các hoạt động kinh doanh cốt lõi, Traco còn mở rộng thêm một số sản phẩm dịch vụ như: môi giới hàng hải và thủ tục xuất – nhập khẩu cho chủ hàng.





Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, công ty hiện đang áp dụng một số các giải pháp tiên tiến như:

- **Về công nghệ: Logistics 3PL**

- Cung cấp dịch vụ logistics bên thứ ba hay logistics theo hợp đồng, là người thay mặt cho chủ hàng quản lý và thực hiện các dịch vụ logistics cho từng bộ phận như: thay mặt cho người gửi hàng thực hiện thủ tục xuất khẩu, cung cấp chứng từ giao nhận – vận tải và vận chuyển nội địa hoặc thay mặt cho người nhập khẩu làm thủ tục thông quan hàng hóa và đưa hàng đến điểm đến quy định...
- Bao gồm nhiều dịch vụ khác nhau, kết hợp chặt chẽ việc luân chuyển, tồn trữ hàng hóa, xử lý thông tin...có tính tích hợp vào dây chuyền cung ứng của khách hàng.
- Các hoạt động do TRACO thực hiện trên danh nghĩa của khách hàng dựa trên các hợp đồng có hiệu lực tối thiểu là một năm hoặc các yêu cầu bất thường.

- **Hệ thống mạng lưới cung cấp dịch vụ của công ty**

- Mạng lưới dịch vụ rộng khắp trong toàn quốc và mở rộng sang các nước có chung đường biên giới như Trung Quốc, Lào và Campuchia: phối hợp, kết nối giữa các phòng ban và các đại lý của công ty để tiến hành điều phối, vận tải các đơn hàng đi khắp cả nước và một số nước lân cận theo nhu cầu của khách hàng. Phương thức hoạt động này giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm được thời gian, chi phí hoạt động đồng thời giúp gia tăng được lợi nhuận và gia tăng được uy tín trên thị trường.
- Đại lý của công ty tại các tỉnh - thành phố: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Lào Cai, văn phòng đại diện tại CHDCND Lào... phân phối tất cả các sản phẩm của công ty tại khắp các tỉnh thành trên cả nước và liên kết với những nước có chung đường biên giới với nước ta.
- Công ty có các phòng LOG với chức năng điều phối các chuỗi tuyến vận tải Bắc – Trung – Nam và các tuyến từ nội địa sang bên kia biên giới và ngược lại, bên cạnh đó tham mưu các giải pháp ổn định phát triển thị phần và thị trường.



- Phòng Marketing: Đội ngũ chuyên nghiệp, có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực nghiên cứu và phát triển thị trường Logistics trong và ngoài nước, luôn đi sâu tìm hiểu nhu cầu thị trường để đưa ra chiến lược kinh doanh mới và áp dụng khoa học, công nghệ để tối ưu hóa phương thức vận hành, từ đó đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh giúp gia tăng doanh thu và lợi nhuận. Đồng thời xây dựng thương hiệu TRACO cho Công ty. Bên cạnh đó với bề dày kinh nghiệm các chuyên viên marketing sẵn sàng tư vấn cho khách hàng trong việc đàm phán ký kết các hợp đồng thương mại với đối tác nước ngoài với mục đích hỗ trợ khách hàng, mở rộng mạng lưới dịch vụ logistics của Traco, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

## 6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm gần đây:

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Traco

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                  | 2018              | 2019              | % tăng/giảm<br>2019/2018 |
|-------------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------------|
| Tổng giá trị tài sản                      | 367.867.430.510   | 365.585.272.510   | (0,62)                   |
| Vốn chủ sở hữu                            | 110.243.060.958   | 101.535.322.007   | (7,89)                   |
| Doanh thu thuần                           | 1.176.412.930.790 | 1.231.415.905.156 | 4,67                     |
| Lợi nhuận từ HĐKD                         | 16.487.097.479    | 13.015.116.064    | (21,06)                  |
| Lợi nhuận khác                            | 1.027.756.321     | (3.100.439.814)   | (401,85)                 |
| Lợi nhuận trước thuế                      | 17.514.853.800    | 9.914.676.250     | (43,39)                  |
| Lợi nhuận sau thuế                        | 14.503.272.905    | 7.249.304.252     | (50,01)                  |
| Giá trị sổ sách một cổ phiếu<br>(đồng/cp) | 27.605            | 25.425            | (7,89)                   |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của CTCP Vận tải 1 Traco)

## 7. Vị thế trong ngành

### 7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco tiền thân là Công ty Đại lý Vận tải & Liên hiệp vận chuyển. Là doanh nghiệp đầu tiên của Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực Đại lý Vận tải, Liên hiệp Vận chuyển, Giao nhận kho vận. Là thành viên của những hiệp hội doanh nghiệp vận tải lớn của Việt Nam như: Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA); Liên đoàn Các hiệp hội Giao nhận Kho vận Quốc tế (FIATA); Hiệp hội Vận tải Ô tô Việt Nam (VATA)... Với nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực vận tải, Logistics,... và có mạng lưới rộng khắp cả nước sẽ là động lực giúp doanh nghiệp tăng trưởng trong tương lai và gia tăng uy tín và vị thế của mình trong ngành.



- **Chuỗi cung ứng Dịch vụ Logistics**

Mặc dù có nhiều công ty hoạt động trong lĩnh vực này được thành lập dẫn đến cạnh tranh trong dịch Logistics ngày càng gay gắt, bên cạnh đó sự biến động của giá dầu, chi phí mặt bằng cũng gây những ảnh hưởng đến ngành. Tuy nhiên, Công ty đã và đang có những bước đi, chiến lược hợp lý với những đối tác lớn trong nước và khu vực. Ngoài ra Công ty cũng rất chú trọng việc nâng cao chất lượng dịch vụ, vì vậy Công ty vẫn giữ được thương hiệu là một trong những Công ty phát triển ngành Logistics hàng đầu Việt Nam.

- **Dịch vụ vận tải đa phương thức nội địa**

Hiện tại có khá nhiều công ty cung cấp dịch vụ này nhưng Traco đang có một vị trí nhất định trên thị trường và được nhiều khách hàng tin tưởng và sử dụng dịch vụ trong cả nước, Công ty đã và đang tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm và xây dựng được uy tín của mình trên thị trường.

Một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động này là chi phí. So với các đối thủ khác, chi phí hoạt động của Traco còn ở mức cao. Trong kết cấu chi phí của dịch vụ vận tải đa phương thức, chi phí thuê phương tiện thường chiếm một tỷ trọng tương đối lớn mà chi phí này của Traco thường ngang bằng hoặc cao hơn đôi chút so với các đối thủ khác, chi phí quản lý và giao nhận hiện nay cũng khá cao. Bên cạnh đó, sự biến động không ổn định của giá dầu cũng gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động vận tải của Công ty. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, các chủ phương tiện nhận thực hiện dịch vụ vận tải đa phương thức chỉ cần thu được lợi nhuận từ hoạt động của việc cho thuê phương tiện mà không tính đến lợi nhuận của toàn bộ chuỗi dịch vụ. Hiện nay, công ty đã cố gắng huy động, liên kết được nhiều đơn vị có phương tiện phục vụ dài hạn cho Công ty và chất lượng dịch vụ tốt trải dài trên khắp cả nước, từ đó giúp Công ty đáp ứng được phần lớn yêu cầu cho khách hàng và cạnh tranh với các đơn vị khác trong ngành.

- **Hoạt động kho bãi**

Kho bãi là một bộ phận không thể thiếu trong chuỗi cung ứng cũng như trong dịch vụ Logistics. Kho bãi là nơi cất trữ và bảo quản nguyên vật liệu, bán thành phẩm hoặc thành phẩm (hàng hóa) nhằm cung ứng cho khách hàng với chi phí thấp nhất khi họ có yêu cầu. Nhận thấy tầm quan trọng của kho bãi trong hoạt động kinh doanh của Công ty nên lãnh đạo Traco rất chú trọng đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng các kho lưu trữ và trung chuyển hàng hóa của mình để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Tuy nhiên, hiện nay chi phí mặt bằng ngày một tăng cao, làm gia tăng chi phí hoạt động của Công ty, một số kho của Công ty chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Cùng với đó là sự cạnh tranh từ các đối thủ cùng ngành nghề trên thị trường. Hiện nay, Traco đang tập trung đẩy mạnh đầu tư, mở rộng vào hoạt động kho bãi để làm bàn đạp thúc đẩy sự phát triển của Dịch vụ Logistics.



## 7.2. Triển vọng phát triển ngành

**Dịch vụ Logistics, vận tải hàng hóa** đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong phát triển nền kinh tế của mỗi quốc gia.

Nhu cầu vận tải, kho bãi, giao thương hàng hóa đang tăng cao do sự hồi phục của nền kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, theo phân tích của nhiều chuyên gia, động lực mạnh mẽ nhất để thúc đẩy cho sự phát triển của ngành Logistics, vận tải,... đến từ Trung Quốc, một quốc gia có nền kinh tế lớn mạnh trên thế giới, khối lượng hàng xuất khẩu qua các cửa ngõ biên giới, cửa biển tăng cao. (Ước tính 20-25%/năm).

Trên thế giới hiện nay đang hình thành một số xu hướng vận động Logistics mới như:

- + Xu hướng hình thành các Doanh nghiệp chuyên môn hóa, các tập đoàn chuyên kinh doanh Logistics.
- + Xu hướng đa dạng hóa trong cung ứng các dịch vụ Logistics cho khách hàng. Không chỉ đơn thuần là cung cấp dịch vụ giao nhận, dịch vụ vận tải cho khách hàng mà còn tổ chức và thực hiện các dịch vụ khác như quản lý kho, bảo quản hàng trong kho, hay tạo thêm giá trị gia tăng cho hàng hóa bằng cách lắp ráp, kiểm tra hàng hóa về mặt chất lượng trước khi gửi đi, đóng gói bao bì, dán nhãn, làm thủ tục xuất nhập khẩu,...
- + Xu hướng ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) và thương mại điện tử vào trong quá trình cung cấp dịch vụ logistics cho khách hàng. Theo đó, nhiều nội dung của dịch vụ Logistics như xử lý đơn hàng, thực hiện đơn hàng, giao hàng, thanh toán, thu hồi hàng hóa... có thể được thực hiện trong môi trường thương mại điện tử và được hỗ trợ rất thiết thực bởi CNTT.
- + Xu hướng phát triển của phương pháp quản lý logistics kéo thay cho phương pháp đẩy truyền thống.

### Đối với Việt Nam

Là một quốc gia đang có mức tăng trưởng nóng, nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà đầu tư quốc tế. Có đường biên giới đất liền giáp với Trung Quốc, Lào, Campuchia, đường biển tiếp giáp với vịnh Bắc Bộ, Biển Đông và Vịnh Thái Lan. Hoạt động vận tải, logistics là một trong những ngành nghề thuộc TOP những ngành có mức tăng trưởng nhanh chóng. Theo công bố tại thời điểm cuối năm 2018 của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam xếp ở vị trí 39 với điểm số LPI (Chỉ số năng lực quốc gia về Logistics), được đánh giá là có hiệu suất dịch vụ logistics tốt hơn hẳn so với các thị trường có mức thu nhập tương đương. Việt Nam đã tham gia ký kết một số hiệp định quan trọng thúc đẩy sự phát triển của hoạt động xuất nhập khẩu như: CPTPP (Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương) hay mới đây nhất là hiệp định EVFTA (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU). Bên cạnh đó căng thẳng thương mại giữa hai cường quốc Mỹ - Trung Quốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành xuất nhập khẩu và dịch vụ Logistic. Đây là tiền đề thúc đẩy sự phát triển của ngành vận tải, logistics trong tương lai với một thị trường còn rất nhiều tiềm năng như Việt Nam.



## 8. Chính sách với người lao động

### 8.1. Cơ cấu lao động

Tổng số lao động có tên trong danh sách của Công ty cổ phần Vận tải 1 Traco đến thời điểm 31/03/2020 là 194 người. Cơ cấu nhân sự được tổng hợp như sau:

| Tiêu chí phân loại                  | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|-------------------------------------|------------------|--------------|
| Trình độ Đại học và trên đại học    | 95               | 49%          |
| Trình độ cao đẳng, trung cấp        | 44               | 23%          |
| Trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật | 52               | 27%          |
| Công nhân PT & LĐ khác              | 3                | 1%           |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>194</b>       | <b>100%</b>  |

(Nguồn: Công ty cổ phần Vận tải 1 Traco)

### 8.2. Chính sách với người lao động

#### • Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: 8h/ngày, 6 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu CBNV làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.
- Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng quy định của Nhà nước, Những CBNV có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những CBNV có thời gian làm việc tại công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.
- Nghỉ ốm, thai sản: CBNV Công ty khi nghỉ ốm, thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.
- Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể: Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động, phòng chống cháy nổ luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

#### • Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

- Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo tại chỗ để mỗi người có thể làm việc chuyên nghiệp, phát huy được năng lực cá nhân và hợp tác với đồng nghiệp.
- Thực hiện công tác tuyển dụng theo đúng quy trình, quy định đảm bảo chất lượng đầu vào và có cơ chế, chính sách thu hút nhân lực có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm.
- Ở những khâu quan trọng có tính chất quyết định đối với sự phát triển của Công ty, có thể thuê chuyên gia nước ngoài hoặc cho cán bộ đi thăm quan, học hỏi kinh nghiệm tại nước ngoài.

#### • Chính sách đánh giá, thăng tiến và phát triển

- Chính sách đánh giá:
  - + Mọi nhân viên phải tham gia đánh giá mức độ hoàn thành công việc của mình trong năm theo quy trình do bộ phận Tổ chức Lao động hướng dẫn.
  - + Kết quả đánh giá là yếu tố quan trọng để xem xét việc tăng lương, thưởng, khả năng thăng tiến cũng như hạ cấp hoặc thôi việc của nhân viên.
  - + Việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc được thực hiện tối thiểu mỗi năm một lần vào tháng 12 hàng năm.
- Chính sách thăng tiến và phát triển nghề nghiệp:
  - + Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực.



- + Những nhân viên có khả năng làm việc tốt, có khả năng thích ứng và đầy đủ các tố chất và tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty đều có cơ hội thăng tiến theo cấp bậc nghề nghiệp hoặc cấp bậc quản lý của Công ty.

• **Chính sách lương thưởng và phúc lợi:**

- Lao động trực tiếp sản xuất: Hưởng lương theo đơn giá sản phẩm.
- Lao động gián tiếp: Hưởng lương thỏa thuận.
- Thưởng hiệu quả (tháng, quý, năm) khi hoàn thành kế hoạch sản xuất, thưởng Tết hoặc lương tháng 13 căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Quỹ phúc lợi: Chi đảm hiếu, hỷ của bản thân và gia đình người lao động; trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.
- Mức lương bình quân:
  - + Năm 2016: 6.600.000 VNĐ
  - + Năm 2017: 6.800.000 VNĐ
  - + Năm 2018: 7.000.000 VNĐ
  - + Năm 2019: 7.500.000 VNĐ

**9. Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng Quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

**Tình hình chi trả cổ tức giai đoạn 2015-2019**

| Năm  | Tỷ lệ cổ tức | Hình thức chi trả                    |
|------|--------------|--------------------------------------|
| 2015 | 50%          | 30% bằng cổ phiếu, 20% bằng tiền mặt |
| 2016 | 30%          | Bằng tiền mặt                        |
| 2017 | 35%          | 20% bằng cổ phiếu, 15% bằng tiền mặt |
| 2018 | 62%          | 15% bằng cổ phiếu, 47% bằng tiền mặt |
| 2019 | 10%          | Bằng tiền mặt                        |

(Nguồn: Công ty cổ phần Vận tải 1 Traco)

- Hiện tại Công ty chưa có kế hoạch chi trả cổ tức những năm tiếp theo để tập trung phát triển các hoạt động mới mang lại lợi nhuận dài hạn cho cổ đông.





## 10. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch. Đơn vị tiền tệ được sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (VND).

### 10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### 10.1.1.1. Trích khấu hao Tài sản cố định

##### a. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá trừ giá hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| Tài sản               | Số năm      |
|-----------------------|-------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| Máy móc thiết bị      | 06 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng    | 03 - 10 năm |
| Phương tiện vận tải   | 06 - 10 năm |
| Tài sản khác          | 04 - 25 năm |

(Nguồn: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019)

##### b. Trích khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm:

- Phần mềm kế toán Bravo: Giá trị hợp lý của phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng là 8 năm.
- Quyền sử dụng đất nhà Văn phòng Công ty tại Sài Gòn.

#### 10.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước tiền vay.

Công ty hiện không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một năm.

#### 10.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn nộp đúng và đủ các khoản thuế Giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Nhà nước. Tại thời điểm hiện tại, Công ty đã thanh toán đầy đủ các khoản thuế nộp cho Nhà nước

Công ty thực hiện việc nộp thuế hàng năm theo đúng quy định của Nhà nước. Số dư các khoản thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước tại thời điểm 31/12/2019 như sau:

Đơn vị tính: VND

| Khoản mục                  | 31/12/2018           | 31/12/2019           |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng      | 2.965.869.409        | 2.055.742.447        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | -                    | -                    |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 2.602.057.332        | 2.878.703.512        |
| Thuế nhà đất               | 45.036.000           | -                    |
| Các loại thuế khác         | 27.351.180           | 4.172.169            |
| <b>Tổng cộng</b>           | <b>5.640.313.921</b> | <b>4.938.618.128</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của CTCP Vận tải 1 Traco)

#### 10.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Việc thực hiện trích lập các quỹ theo luật định, Công ty thực hiện theo quy định và Điều lệ của Công ty. Tỷ lệ trích lập các quỹ được Hội đồng Quản trị quyết định từng năm và trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                  | 31/12/2018            | 31/12/2019            |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 5.815.302.056         | 5.361.266.300         |
| Quỹ đầu tư phát triển     | 43.145.331.911        | 43.145.331.911        |
| <b>Tổng cộng</b>          | <b>48.960.633.967</b> | <b>48.506.598.211</b> |

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2019 của CTCP Vận tải 1 Traco)

#### 10.1.5. Tổng dư vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu         | 31/12/2018            | 31/12/2019            |
|------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>  | <b>61.463.100.000</b> | <b>91.161.762.265</b> |
| Vay ngắn hạn     | 61.463.100.000        | 91.161.762.265        |
| <b>Dài hạn</b>   | <b>4.200.000.000</b>  | <b>2.200.000.000</b>  |
| Vay dài hạn      | 4.200.000.000         | 2.200.000.000         |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>65.663.100.000</b> | <b>93.361.762.265</b> |

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2019 của CTCP Vận tải 1 Traco)



## Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu                                                         | 31/12/2018            | 31/12/2019            |
|------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>1. Ngắn hạn</b>                                               | <b>61.463.100.000</b> | <b>91.161.762.265</b> |
| Vay ngắn hạn                                                     | 61.463.100.000        | 91.161.762.265        |
| <b>Chi tiết:</b>                                                 |                       |                       |
| - Vietinbank CN Hồng Bàng                                        | -                     | 15.481.559.412        |
| - Eximbank CN Hải Phòng                                          | -                     | 56.270.202.853        |
| Vay cá nhân                                                      | 61.463.100.000        | 19.410.000.0000       |
| <b>2. Dài hạn</b>                                                | <b>4.200.000.000</b>  | <b>2.200.000.000</b>  |
| <b>Chi tiết:</b>                                                 |                       |                       |
| Vay cá nhân                                                      | 4.200.000.000         | 2.200.000.000         |
| <b>Tổng cộng</b>                                                 | <b>65.663.100.000</b> | <b>93.361.762.265</b> |
| <i>(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2019 của CTCP Vận tải I Traco)</i> |                       |                       |

## 10.1.6. Tình hình công nợ hiện nay

### a. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu                                                         | 31/12/2018             | 31/12/2019             |
|------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                               | <b>203.028.498.001</b> | <b>221.386.967.459</b> |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                                 | 186.090.682.511        | 210.129.382.311        |
| Trả trước cho người bán                                          | 2.836.651.497          | 2.364.738.433          |
| Phải thu ngắn hạn khác                                           | 23.598.115.543         | 20.026.277.883         |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                               | (9.496.951.550)        | (11.133.431.168)       |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>                                | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>Tổng cộng</b>                                                 | <b>203.028.498.001</b> | <b>221.386.967.459</b> |
| <i>(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của CTCP Vận tải I Traco)</i> |                        |                        |

## b. Các khoản phải trả

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                      | 31/12/2018             | 31/12/2019             |
|-----------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>253.424.369.552</b> | <b>261.849.950.503</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                | 119.069.602.920        | 128.056.230.672        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn          | 132.826.024            | 98.412.367             |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 5.640.313.921          | 4.938.618.128          |
| 4. Phải trả người lao động                    | 23.755.471.785         | 6.657.901.828          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                  | 23.918.164.786         | 17.917.764.143         |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                   | -                      | -                      |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 6.692.568.938          | 3.220.760.754          |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn          | 61.463.100.000         | 91.161.762.265         |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn                 | 6.937.019.122          | 4.437.234.046          |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                 | 5.815.302.056          | 5.361.266.300          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                         | <b>4.200.000.000</b>   | <b>2.200.000.000</b>   |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn           | 4.200.000.000          | 2.200.000.000          |
| <b>Tổng cộng</b>                              | <b>257.624.369.552</b> | <b>264.049.950.503</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của CTCP Vận tải 1 Traco)

### 10.1.7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                 | 31/12/2018            | 31/12/2019            |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>III. Hàng tồn kho</b> | <b>19.426.233.463</b> | <b>41.833.360.755</b> |
| 1. Nguyên liệu, vật liệu | 88.900.339            | 296.126.706           |
| 2. Công cụ, dụng cụ      | -                     | 147.600.000           |
| 3. Chi phí SXKD dở dang  | 19.256.896.050        | 41.363.536.061        |
| 4. Hàng hóa              | 80.437.074            | 26.097.988            |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 CTCP Vận tải 1 Traco)

### 10.1.8. Tình hình đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu               | 31/12/2018    | 31/12/2019    |
|------------------------|---------------|---------------|
| Đầu tư vào đơn vị khác | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Trong đó:              |               |               |



|                                                       |               |               |
|-------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| + Công ty Cổ phần Cảng Đình Vũ (i)                    | -             | 1.100.000.000 |
| + Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách (ii)                  | 1.500.000.000 | 400.000.000   |
| (Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 CTCP Vận tải 1 Traco) |               |               |

**Ghi chú:**

(i) Cổ phiếu của Công ty cổ phần Cảng Đình Vũ, số lượng tại thời điểm mua 110.000 cổ phần, giá mua 10.000 VND/cổ phần. Số lượng cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2019 là 220.000 cổ phần.  
(ii) Cổ phiếu của Công ty cổ phần Cảng Vật Cách, số lượng 40.000 cổ phần, giá mua 10.000 VND/cổ phần.

**10.1.9. Chi phí trả trước dài hạn**

| Chi tiêu                           | 31/12/2018     | 31/12/2019     |
|------------------------------------|----------------|----------------|
| I. Chi phí trả trước dài hạn       | 15.104.850.590 | 15.078.245.020 |
| Trong đó:                          |                |                |
| - Chi phí thuê đất có thời hạn (*) | 6.895.396.960  | 6.839.105.920  |
| - Công cụ, dụng cụ xuất dùng       | 8.119.453.630  | 8.239.139.100  |

(\*): Phản ánh chi phí thuê 363,4 m<sup>2</sup> đất thương mại, dịch vụ tại số 45 Đình Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 24/06/2016 đến ngày 24/06/2066 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CE413098 cấp ngày 01/12/2016. Trong đó tổng giá trị thuê đất là 7.314.553.000 đồng, đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ là 146.291.040 đồng, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 là 6.839.105.920 đồng.

**10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty**

| Chỉ tiêu                                                 |     | Năm 2018 | Năm 2019 |
|----------------------------------------------------------|-----|----------|----------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                |     |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)                  | Lần | 1,11     | 1,08     |
| Hệ số thanh toán nhanh (=TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn) | Lần | 1,03     | 0,92     |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                         |     |          |          |
| Hệ số nợ/tổng tài sản                                    | %   | 70,03    | 72,23    |
| Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu                                  | %   | 233,69   | 260,06   |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                 |     |          |          |



|                                                               |         |       |       |
|---------------------------------------------------------------|---------|-------|-------|
| Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq)             | Vòng    | 47,96 | 37,64 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân                        | Lần     | 3,25  | 3,36  |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                       |         |       |       |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần                     | %       | 1,23  | 0,59  |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)      | %       | 13,60 | 6,85  |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản bình quân (ROA)        | %       | 4,01  | 1,98  |
| Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | %       | 1,40  | 1,06  |
| Thu nhập trên cổ phiếu (EPS)                                  | Đồng/CP | 3.367 | 1.815 |
| (Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của CTCP Vận tải 1 Traco)     |         |       |       |

## 11. Tài sản

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2019 được thể hiện qua các số liệu như sau:

Đơn vị tính: VND

| Tài sản                                                   | Nguyên giá             | Giá trị còn lại       | Tỷ lệ Giá trị còn lại/Nguyên giá |
|-----------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------------------|
| <b>Tài sản cố định hữu hình</b>                           | <b>101.927.735.737</b> | <b>63.592.152.683</b> | <b>62,39%</b>                    |
| Nhà cửa, vật kiến trúc                                    | 73.749.565.102         | 58.313.035.747        | 79,07%                           |
| Phương tiện vận tải                                       | 25.427.352.597         | 3.777.105.611         | 14,85%                           |
| Thiết bị quản lý                                          | 2.750.818.038          | 1.502.011.325         | 54,60%                           |
| <b>Tài sản cố định vô hình</b>                            | <b>3.160.000.000</b>   | <b>3.124.999.993</b>  | <b>98,89%</b>                    |
| Quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán                     | 3.160.000.000          | 3.124.999.993         | 98,89%                           |
| <b>Tổng cộng</b>                                          | <b>105.087.735.737</b> | <b>66.717.152.676</b> | <b>63,49%</b>                    |
| (Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của CTCP Vận tải 1 Traco) |                        |                       |                                  |

## 12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

### 12.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020 – 2021

| Chỉ tiêu        | Năm 2019  | Năm 2020  |                             | Năm 2021 |                             |
|-----------------|-----------|-----------|-----------------------------|----------|-----------------------------|
|                 |           | Kế hoạch  | % tăng giảm so với năm 2019 | Kế hoạch | % tăng giảm so với năm 2020 |
| Vốn điều lệ     | 39.935    | 45.924    | 14,99%                      | *        | *                           |
| Sản lượng (tấn) | 4.065.378 | 4.214.400 | 3,66%                       |          |                             |





|                               |           |           |          |   |   |
|-------------------------------|-----------|-----------|----------|---|---|
| Doanh thu thuần (Tr.đồng)     | 1.231.415 | 1.066.300 | (13,41)% | * | * |
| Lợi nhuận sau thuế (Tr.đồng)  | 7.249     | 6.433     | (11,25)% | * | * |
| Tỷ lệ LNST/DTT                | 0,58%     | 0,60%     | 3,49%    | * | * |
| Tỷ lệ LNST/VĐL                | 18,15%    | 14,01%    | (22,81)% | * | * |
| Cổ tức                        | 10%       | 10%       |          | * | * |
| (Nguồn: CTCP Vận tải 1 Traco) |           |           |          |   |   |

(\*): Công ty thực hiện xây dựng kế hoạch theo từng năm nên chưa có số liệu kế hoạch năm 2021.

### Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trên là:

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể thay đổi khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi. Trên cơ sở phân tích các yếu tố thuận lợi và khó khăn do khách quan và chủ quan đem lại, Ban lãnh đạo Công ty sẽ có bước điều chỉnh kế hoạch tài chính và lợi nhuận một cách thận trọng để hoàn thành tốt mục tiêu đề ra và phát triển ổn định.

Giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh 2020: Phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm năm 2019 thực hiện chủ đề năm 2020: “Đổi mới tư duy – Kiện toàn hệ thống– Kỹ năng chất lượng cao, hiệu quả tốt”. Để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh đã đề ra năm 2020, Ban lãnh đạo công ty đã đề ra một số biện pháp cụ thể như sau:

- + Với môi trường bên ngoài: Thực hiện tốt 5 mối quan hệ:
  - o Với Môi trường, thị trường.
  - o Với Khách hàng.
  - o Với Nhà cung ứng.
  - o Với Đối thủ cạnh tranh.
  - o Với Pháp luật và Cơ quan quản lý Nhà nước.
- + Với môi trường bên trong: Thực hiện tốt 6 nội dung:
  - o Hiểu sâu sắc vận dụng linh hoạt Văn hóa Traco (giá trị cốt lõi) và chủ đề năm 2020.
  - o Đổi mới tư duy: Chấn chỉnh bộ máy, lao động, tiền lương, kiện toàn hệ thống quản lý, văn bản pháp quy, công tác kế hoạch, tổ chức điều hành nhanh gọn hiệu quả.
  - o Chủ động nắm bắt thị trường; Tổng hợp chia sẻ thông tin; Đảm bảo việc làm, thu nhập cho NLĐ...
  - o Nâng cao kỹ năng Marketing, giao tiếp, làm việc nhóm, quan hệ xã hội.
  - o Thực hiện tốt kế hoạch học tập, đào tạo: Chuyên môn nghiệp vụ, CNTT, Kỹ thuật số v.v...thích ứng cuộc CMCN 4.0.
  - o Rèn luyện thể chất, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất, trí tuệ, uy tín, sáng tạo.
- + Xây dựng và phát triển thương hiệu:



- Quảng bá thương hiệu Traco.
- Nâng cao trình độ nghiệp vụ, công nghệ thông tin, ngoại ngữ cho đội ngũ CBCNV.
- + Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát sản xuất cũng như quản lý, nhằm giảm thiểu chi phí giá thành, tăng lợi nhuận cho Công ty.

Hoạt động kinh doanh sản xuất 6 tháng đầu năm 2020 gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong nửa đầu năm 2020 đạt được như sau:

- + Sản lượng: 1.985.206 tấn đạt 47,11% kế hoạch 2020.
- + Doanh thu thuần: 494.534 triệu đồng đạt 46,37% kế hoạch 2020.
- + Lợi nhuận sau thuế: 556,1 triệu đồng đạt 8,64% kế hoạch 2020.

### **13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch** Không có

### **14. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh của Công ty**

Với bề dày gần 50 năm hình thành và phát triển cùng đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, Công ty đang từng bước xây dựng và đã, đang khẳng định được vị thế là một trong những công ty hàng đầu về lĩnh vực Logistics, vận tải, kho bãi,... với những chiến lược cụ thể:

- Xây dựng Công ty trở thành Công ty Logistics hàng đầu, đáp ứng xu hướng của đất nước với đội ngũ chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn hóa cao.
- Mở rộng quy mô, nâng cấp cơ sở hạ tầng, lĩnh vực, ngành nghề mới, nâng cao năng lực đẩy mạnh việc kinh doanh dịch vụ Logistics, vận tải, kho bãi,... Bên cạnh đó phát triển, nâng dần tỷ trọng các ngành nghề mới như Thương mại vận tải để Công ty phát triển bền vững.

Để hoàn thành những mục tiêu chiến lược đã đặt ra, Công ty đã và đang tích cực:

#### **Tập trung xây dựng, phát triển nguồn nhân lực:**

Nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất của một công ty. Để hoàn thành sứ mệnh phát triển, Công ty đã tiến hành hợp tác, giao lưu, trao đổi với nhiều đơn vị có kinh nghiệm trong ngành vận tải, Logistics trong và ngoài nước. Nhờ vậy, các cán bộ, nhân viên nghiệp vụ của Traco luôn có cơ hội được đào tạo, phát triển, nâng cao trình độ, tay nghề.

#### **Phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Công ty luôn không ngừng nỗ lực mở rộng mạng lưới vận tải, giao nhận, kho bãi. Hiện nay Traco có mạng lưới rộng khắp cả nước và vươn sang các nước lân cận như Trung Quốc, Lào, Campuchia với các chi nhánh, đại lý của Traco. Công ty đã và đang đàm phán với nhiều khách hàng lớn như như Suphaphat Lâm Thao, Đạm Hà Bắc, một số đơn vị trong KCN như KCN Tăng Loỏng – Lào Cai,... để đẩy mạnh doanh thu và tối ưu hóa lợi nhuận.

### **15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty**

Không có.



## II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Danh sách Hội đồng quản trị

| TT | Họ tên                 | Chức vụ         | Ghi chú                    |
|----|------------------------|-----------------|----------------------------|
| 1  | Bà: Đỗ Thị Bích Thủy   | Chủ tịch HĐQT   | Thành viên điều hành       |
| 2  | Ông: Đỗ Minh Tuấn      | Thành viên HĐQT | Thành viên điều hành       |
| 3  | Ông: Lê Văn Minh       | Thành viên HĐQT | Thành viên không điều hành |
| 4  | Ông: Nguyễn Minh Tuấn  | Thành viên HĐQT | Thành viên không điều hành |
| 5  | Bà : Đỗ Thị Thủy Dương | Thành viên HĐQT | Thành viên không điều hành |

#### 1.2. Sơ yếu lý lịch HĐQT

##### Bà Đỗ Thị Bích Thủy - Chủ tịch Hội đồng quản trị

|                                |   |                                                                            |
|--------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------|
| - Họ và tên                    | : | <b>Đỗ Thị Bích Thủy</b>                                                    |
| - Số CMND                      | : | 030732322                                                                  |
| - Nơi cấp                      | : | Cục Cảnh sát, đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về cư dân        |
| - Giới tính                    | : | Nữ                                                                         |
| - Quốc tịch                    | : | Việt Nam                                                                   |
| - Dân tộc                      | : | Kinh                                                                       |
| - Năm sinh                     | : | 15/01/1968                                                                 |
| - Quê quán                     | : | Hải Phòng                                                                  |
| - Địa chỉ thường trú           | : | Số 7+9/14 Đường Bảo Phúc, Đằng Hải, Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. |
| - Trình độ văn hóa             | : | 10/10                                                                      |
| - Trình độ chuyên môn          | : | Kỹ sư kinh tế Vận tải biển                                                 |
| - Quá trình công tác (tóm tắt) | : |                                                                            |
| ○ 10/1999 -:- 01/2000          |   | Nhân viên tại Trạm H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> CTCP Vận tải I Traco     |
| ○ 02/2000 -:- 04/2001          |   | Nhân viên Phòng nghiệp vụ tại CTCP Vận tải I Traco                         |
| ○ 04/2001 -:- 31/8/2007        |   | Nhân viên Phòng Kinh doanh CTCP Vận tải I Traco                            |
| ○ 01/9/2007 -:- 02/2/2009      |   | Nhân viên Phòng kinh doanh CTCP Vận tải I Traco                            |



|                                         |                                                                                |
|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| ○ 03/2/2009 -:- 02/2015                 | Phó trưởng Phòng kinh doanh CTCP Vận tải 1 Traco                               |
| ○ 03/2015 -:- 31/12/2018                | Thành viên HĐQT kiêm Phó trưởng Phòng kinh doanh CTCP Vận tải 1 Traco          |
| ○ 01/01/2019 -:-17/7/2019               | Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Logistics 1, Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco |
| ○ 18/7/2019 -:- 05/7/2020               | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Vận tải 1 Traco                    |
| ○ 06/07/2020 -:- nay                    | Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Vận tải 1 Traco                      |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty      | : Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc                                         |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | : Không                                                                        |
| - Số cổ phần sở hữu                     | : 335.392 cổ phần                                                              |
| ○ Đại diện sở hữu                       | : 0 cổ phần                                                                    |
| ○ Cá nhân sở hữu                        | : 335.392 cổ phần                                                              |
| - Hành vi phạm pháp                     | : Không                                                                        |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty       | : Không                                                                        |
| - Những khoản nợ đối với Công ty        | : Không                                                                        |
| - Những người có liên quan              | : Đỗ Minh Tuấn – Anh trai – 314.168 cổ phần                                    |
| ○ Người có liên quan                    | : Không                                                                        |
| ○ Tổ chức có liên quan                  | : Không                                                                        |

**Ông Đỗ Minh Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị**

|             |                                                                      |
|-------------|----------------------------------------------------------------------|
| - Họ và tên | : <b>Đỗ Minh Tuấn</b>                                                |
| - Số CMND   | : 030771153                                                          |
| - Nơi cấp   | : Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về cư dân |
| - Giới tính | : Nam                                                                |
| - Quốc tịch | : Việt Nam                                                           |
| - Dân tộc   | : Kinh                                                               |
| - Năm sinh  | : 24/04/1961                                                         |





|                                         |   |                                                                                              |
|-----------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Quê quán                              | : | Hải Phòng                                                                                    |
| - Địa chỉ thường trú                    | : | Số 03/112 Lê Lợi, Ngõ Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam                                   |
| - Trình độ văn hóa                      | : | 10/10                                                                                        |
| - Trình độ chuyên môn                   | : | Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển                                                                   |
| - Quá trình công tác (tóm tắt)          | : |                                                                                              |
| ○ T8/1979 -:- T6/1984                   |   | Nhân viên Công ty Kiểm kiện hàng hóa                                                         |
| ○ T7/1984 -:- T4/1992                   |   | Nhân viên Công ty Dịch vụ vận tải 1                                                          |
| ○ T5/1992 -:- T4/1995                   |   | Nhân viên Công ty Vận tải thủy số 3                                                          |
| ○ T5/1995 -:- T12/1999                  |   | Nhân viên Công ty Dịch vụ vận tải 1                                                          |
| ○ 01/01/2000 -:- 31/12/2003             |   | Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp tại CTCP Vận tải 1 Traco                                 |
| ○ 01/01/2004 -:- T03/2005               |   | Trưởng phòng Logistics tại CTCP Vận tải 1 Traco                                              |
| ○ T03/2005 -:- 30/9/2010                |   | Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Logistics CTCP Vận tải 1 Traco                             |
| ○ 01/10/2010 -:- 24/11/2010             |   | Thành viên HĐQT kiêm Trợ lý TGĐ CTCP Vận tải 1 Traco                                         |
| ○ 25/11/2010 -:- 13/02/2011             |   | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Trung tâm Logistics CTCP Vận tải 1 Traco                       |
| ○ 14/02/2011 -:- 31/12/2018             |   | Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Logistics CTCP Vận tải 1 Traco     |
| ○ 01/01/2019 -:- nay                    |   | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Vận tải 1 Traco                                      |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty      | : | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc                                                           |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | : | Không                                                                                        |
| - Số cổ phần sở hữu                     | : | 314.168 cổ phần                                                                              |
| ○ Đại diện sở hữu                       | : | 0 cổ phần                                                                                    |
| ○ Cá nhân sở hữu                        | : | 314.168 cổ phần                                                                              |
| - Hành vi phạm pháp                     | : | Không                                                                                        |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty       | : | Không                                                                                        |
| - Những khoản nợ đối với Công ty        | : | Không                                                                                        |
| - Những người có liên quan              | : |                                                                                              |
| ○ Người có liên quan                    | : | Đỗ Thị Bích Thủy – Em gái – 335.392 cổ phần<br>Đỗ Thị Thùy Dương – Con gái – 257.034 cổ phần |



|                        |   |                                           |
|------------------------|---|-------------------------------------------|
|                        |   | Đỗ Thị Mỹ Linh – Con gái – 82.915 cổ phần |
| ○ Tổ chức có liên quan | : | Không                                     |

**Ông Lê Văn Minh - Thành viên Hội đồng quản trị**

|                                         |   |                                                                               |
|-----------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------|
| - Họ và tên                             | : | <b>Lê Văn Minh</b>                                                            |
| - Số CMND                               | : | 031091009816                                                                  |
| - Nơi cấp                               | : | Cục Cảnh sát, đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về cư dân           |
| - Giới tính                             | : | Nam                                                                           |
| - Quốc tịch                             | : | Việt Nam                                                                      |
| - Dân tộc                               | : | Kinh                                                                          |
| - Năm sinh                              | : | 20/04/1991                                                                    |
| - Quê quán                              | : | Hải Phòng                                                                     |
| - Địa chỉ thường trú                    | : | Biệt thự Vĩnh Phúc, ngõ 17 Kiều Sơn, Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Hải Phòng  |
| - Trình độ văn hóa                      | : | 12/12                                                                         |
| - Trình độ chuyên môn                   | : | Thạc sĩ Quản lý chuỗi cung ứng, vận hành và logistics toàn cầu                |
| - Quá trình công tác (tóm tắt)          | : |                                                                               |
| ○ 06/3/2015 -:- 05/5/2017               | : | Nhân viên nghiệp vụ kinh doanh tại CTCP Vận tải 1 Traco                       |
| ○ 06/5/2017 -:- 31/5/2019               | : | Nhân viên Quản trị chuỗi Phòng kinh doanh tại CTCP Vận tải 1 Traco            |
| ○ 1/6/2019 -:- 17/7/2019                | : | Thành viên HĐQT kiêm Trưởng đại diện CTCP Vận tải 1 Traco tại Lào và Thái Lan |
| ○ 18/7/2019 -:- 31/12/2019              | : | Thành viên HĐQT kiêm Phó trưởng phòng kinh doanh CTCP Vận tải 1 Traco         |
| ○ 01/01/2020 -:- nay                    | : | Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng kinh doanh CTCP Vận tải 1 Traco             |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty      | : | Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Kinh doanh                                  |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | : | Không                                                                         |





|                                   |   |                 |
|-----------------------------------|---|-----------------|
| - Số cổ phần sở hữu               | : | 294.903 cổ phần |
| o Đại diện sở hữu                 | : | 0 cổ phần       |
| o Cá nhân sở hữu                  | : | 294.903 cổ phần |
| - Hành vi phạm pháp               | : | Không           |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | : | Không           |
| - Những khoản nợ đối với Công ty  | : | Không           |
| - Những người có liên quan        | : |                 |
| o Người có liên quan              | : | Không           |
| o Tổ chức có liên quan            | : | Không           |

**Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị**

|                                |   |                                                                                       |
|--------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------|
| - Họ và tên                    | : | <b>Nguyễn Minh Tuấn</b>                                                               |
| - Số CMND                      | : | 031083007490                                                                          |
| - Nơi cấp                      | : | Cục Cảnh sát, đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về cư dân                   |
| - Giới tính                    | : | Nam                                                                                   |
| - Quốc tịch                    | : | Việt Nam                                                                              |
| - Dân tộc                      | : | Kinh                                                                                  |
| - Năm sinh                     | : | 12/09/1983                                                                            |
| - Quê quán                     | : | Hải Phòng                                                                             |
| - Địa chỉ thường trú           | : | Số 06, Ngõ 17, Đường Kiều Sơn, Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.                 |
| - Trình độ văn hóa             | : | 12/12                                                                                 |
| - Trình độ chuyên môn          | : | Thạc sĩ Khoa học kỹ thuật                                                             |
| - Quá trình công tác (tóm tắt) | : |                                                                                       |
| o 12/5/2009 -:- 10/7/2011:     |   | Nhân viên Phòng kinh doanh tại CTCP Vận tải 1 Traco                                   |
| o 11/7/2011 -:- 10/7/2012      |   | Quyền Trưởng phòng Giao nhận tại CTCP Vận tải 1 Traco                                 |
| o 11/7/2012 -:- 31/12/2015     |   | Trưởng phòng Giao nhận tại CTCP Vận tải 1 Traco                                       |
| o 01/01/2016 -:- 31/12/2018    |   | Trưởng phòng Điều phối 1 kiêm Giám đốc Chi nhánh Traco Lào Cai - CTCP Vận tải 1 Traco |



|                                         |   |                                                                                          |
|-----------------------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------|
| o 01/01/2019 -:- 31/5/2019              |   | Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Vận tải 1 Traco                                             |
| o 01/06/2019 -:- 30/7/2019              |   | Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Vận tải 1 Traco                        |
| o 31/7/2019 -:- 12/9/2019               |   | Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Vận tải 1 Traco                        |
| o 13/9/2019 -:- nay                     |   | Thành viên HĐQT CTCP Vận tải 1 Traco;<br>Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics NEW WAY |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty      | : | Thành viên HĐQT                                                                          |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | : | Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics NEW WAY                                          |
| - Số cổ phần sở hữu                     | : | 319.137 cổ phần                                                                          |
| o Đại diện sở hữu                       | : | 0 cổ phần                                                                                |
| o Cá nhân sở hữu                        | : | 319.137 cổ phần                                                                          |
| - Hành vi phạm pháp                     | : | Không                                                                                    |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty       | : | Không                                                                                    |
| - Những khoản nợ đối với Công ty        | : | Không                                                                                    |
| - Những người có liên quan              | : |                                                                                          |
| o Người có liên quan                    | : | Nguyễn Văn Nhội - Bỏ dè - 268.355 cổ phần                                                |
| o Tổ chức có liên quan                  | : | Không                                                                                    |

**Bà Đỗ Thị Thùy Dương – Thành viên Hội đồng quản trị**

|             |   |                                                                     |
|-------------|---|---------------------------------------------------------------------|
| - Họ và tên | : | <b>Đỗ Thị Thùy Dương</b>                                            |
| - Số CMND   | : | 031189000937                                                        |
| - Nơi cấp   | : | Cục Cảnh sát, đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về cư dân |
| - Giới tính | : | Nữ                                                                  |
| - Quốc tịch | : | Việt Nam                                                            |
| - Dân tộc   | : | Kinh                                                                |
| - Năm sinh  | : | 07/05/1989                                                          |





|                                         |   |                                                                                  |
|-----------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------|
| - Quê quán                              | : | Xã Anh Dũng, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng                                       |
| - Địa chỉ thường trú                    | : | Số 3/112 Lê Lợi, phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng                   |
| - Trình độ văn hóa                      | : | 12/12                                                                            |
| - Trình độ chuyên môn                   | : | Cử nhân quản trị tài chính kế toán                                               |
| - Quá trình công tác (tóm tắt)          | : |                                                                                  |
| ○ 09/2/2010 -:- 11/06/2020              |   | Nhân viên kế toán Phòng Tài chính – Kế toán CTCP Vận tải 1 Traco                 |
| ○ 12/06/2020 -:- 14/07/2020             |   | Nhân viên Văn phòng CTCP Vận tải 1 Traco                                         |
| ○ T7/2020 -:- nay                       |   | Thành viên HĐQT kiêm Nhân viên Phòng Logistics 5 CTCP Vận tải 1 Traco            |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty      | : | Thành viên HĐQT kiêm Nhân viên Phòng Logistics 5                                 |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | : | Không                                                                            |
| - Số cổ phần sở hữu                     | : | 257.034 cổ phần                                                                  |
| ○ Đại diện sở hữu                       | : | 0 cổ phần                                                                        |
| ○ Cá nhân sở hữu                        | : | 257.034 cổ phần                                                                  |
| - Hành vi phạm pháp                     | : | Không                                                                            |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty       | : | Không                                                                            |
| - Những khoản nợ đối với Công ty        | : | Không                                                                            |
| - Những người có liên quan              | : |                                                                                  |
| ○ Người có liên quan                    | : | Đỗ Minh Tuấn – Bố đẻ: 314.168 cổ phần<br>Đỗ Thị Mỹ Linh – Em gái: 82.915 cổ phần |
| ○ Tổ chức có liên quan                  | : | Không                                                                            |

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Danh sách Ban Kiểm soát

| TT | Họ tên               | Chức vụ              |
|----|----------------------|----------------------|
| 1  | Bà: Nguyễn Thị Giang | Trưởng ban kiểm soát |
| 2  | Ông: Nguyễn Quốc Văn | Kiểm soát viên       |
| 3  | Bà: Vũ Thị Kiều Loan | Kiểm soát viên       |

## 2.2. Sơ yếu lý lịch Ban Kiểm soát

### Bà Nguyễn Thị Giang - Trưởng Ban Kiểm soát

|                                         |   |                                                                               |
|-----------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------|
| - Họ và tên                             | : | <b>Bà: Nguyễn Thị Giang</b>                                                   |
| - Số CMND                               | : | 031181000226                                                                  |
| - Nơi cấp                               | : | Cục Cảnh sát, đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về cư dân           |
| - Giới tính                             | : | Nữ                                                                            |
| - Quốc tịch                             | : | Việt Nam                                                                      |
| - Dân tộc                               | : | Kinh                                                                          |
| - Năm sinh                              | : | 31/12/1981                                                                    |
| - Quê quán                              | : | Hải Phòng                                                                     |
| - Địa chỉ thường trú                    | : | 18/1/280B Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Thành phố Hải Phòng           |
| - Trình độ văn hóa                      | : | 12/12                                                                         |
| - Trình độ chuyên môn                   | : | Cử nhân kinh tế                                                               |
| - Quá trình công tác (tóm tắt)          | : |                                                                               |
| ○ 11/2004 -:- 10/4/2005:                |   | Nhân viên Nghiệp vụ Phòng Giao nhận tại CTCP Vận tải 1 Traco                  |
| ○ 11/4/2005 -:- 01/3/2009               |   | Nhân viên Nghiệp vụ Phòng Logistics tại CTCP Vận tải 1 Traco                  |
| ○ 02/3/2009 -:- 31/3/2011               |   | Nhân viên phòng Kế toán tại CTCP Vận tải 1 Traco                              |
| ○ 01/4/2011 -:- 30/11/2015              |   | Trưởng bộ phận quản lý giá thành Phòng tài chính kế toán CTCP Vận tải 1 Traco |
| ○ 01/12/2015 -:- nay                    |   | Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán tại CTCP Vận tải 1 Traco                   |
| ○ 07/07/2020 -:- nay                    |   | Trưởng Ban kiểm soát CTCP Vận tải 1 Traco                                     |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty      | : | Trưởng ban kiểm soát                                                          |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | : | Không                                                                         |
| - Số cổ phần sở hữu                     | : | 16.670 cổ phần                                                                |
| ○ Đại diện sở hữu                       | : | 0 cổ phần                                                                     |
| ○ Cá nhân sở hữu                        | : | 16.670 cổ phần                                                                |
| - Hành vi phạm pháp                     | : | Không                                                                         |





|                                   |   |                                        |
|-----------------------------------|---|----------------------------------------|
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | : | Không                                  |
| - Những khoản nợ đối với Công ty  | : | Không                                  |
| - Những người có liên quan        | : |                                        |
| o Người có liên quan              | : | Bùi Thị Quảng - Mẹ đẻ - 17.997 cổ phần |
| o Tổ chức có liên quan            | : | Không                                  |

**Ông Nguyễn Quốc Văn - Thành viên Ban Kiểm soát**

|                                |   |                                                          |
|--------------------------------|---|----------------------------------------------------------|
| - Họ và tên                    | : | <b>Ông: Nguyễn Quốc Văn</b>                              |
| - Số CMND                      | : | 03107100583                                              |
| - Nơi cấp                      | : | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư               |
| - Giới tính                    | : | Nam                                                      |
| - Quốc tịch                    | : | Việt Nam                                                 |
| - Dân tộc                      | : | Kinh                                                     |
| - Năm sinh                     | : | 19/12/1971                                               |
| - Quê quán                     | : | Hải Phòng                                                |
| - Địa chỉ thường trú           | : | 43 Lê Văn Thuyết A, Kênh Dương, Lê Chân, Hải Phòng       |
| - Trình độ văn hóa             | : | 12/12                                                    |
| - Trình độ chuyên môn          | : | Cử nhân kinh tế ngoại thương                             |
| - Quá trình công tác (tóm tắt) | : |                                                          |
| o 06/02/1998 -:- 04/01/2006    |   | Nhân viên phòng Kinh doanh tại CTCP Vận tải 1 Traco      |
| o 05/01/2006 -:- 30/9/2009     |   | Nhân viên phòng Chiến lược Tổng hợp CTCP Vận tải 1 Traco |
| o 01/10/2009 -:- 11/4/2010     |   | Trưởng phòng Pháp chế CTCP Vận tải 1 Traco               |
| o 12/4/2010 -:- 13/02/2011     |   | Trưởng đại diện tại Lạng Sơn CTCP Vận tải 1 Traco        |
| o 14/02/2011 -:- 31/12/2014    |   | Trưởng phòng Logistics 1 CTCP Vận tải 1 Traco            |
| o 01/01/2015 -:- 22/7/2015     |   | Trưởng phòng Logistics 5 CTCP Vận tải 1 Traco            |



|                                         |   |                                                                             |
|-----------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------|
| ○ 23/7/2015 -:- 28/6/2020               |   | Trưởng phòng Logistics 4 CTCP Vận tải 1 Traco                               |
| ○ 29/6/2020 -:- 31/7/2020               |   | Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng phòng Logistics 4 CTCP Vận tải 1 Traco |
| ○ 01/8/2020 -:- nay                     |   | Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng phòng Logistics 5 CTCP Vận tải 1 Traco |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty      | : | Thành viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng Logistics 5                      |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | : | Không                                                                       |
| - Số cổ phần sở hữu                     | : | 140.610 cổ phần                                                             |
| ○ Đại diện sở hữu                       | : | 0 cổ phần                                                                   |
| ○ Cá nhân sở hữu                        | : | 140.610 cổ phần                                                             |
| - Hành vi phạm pháp                     | : | Không                                                                       |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty       | : | Không                                                                       |
| - Những khoản nợ đối với Công ty        | : | Không                                                                       |
| - Những người có liên quan              | : |                                                                             |
| ○ Người có liên quan                    | : | Không                                                                       |
| ○ Tổ chức có liên quan                  | : | Không                                                                       |

**Bà Vũ Thị Kiều Loan - Thành viên Ban Kiểm soát**

|                       |   |                                                                     |
|-----------------------|---|---------------------------------------------------------------------|
| - Họ và tên           | : | <b>Bà: Vũ Thị Kiều Loan</b>                                         |
| - Số CMND             | : | 031077631                                                           |
| - Nơi cấp             | : | CA Hải Phòng                                                        |
| - Giới tính           | : | Nữ                                                                  |
| - Quốc tịch           | : | Việt Nam                                                            |
| - Dân tộc             | : | Kinh                                                                |
| - Năm sinh            | : | 12/03/1979                                                          |
| - Quê quán            | : | Xã Quang Hưng, huyện An Lão, TP Hải Phòng                           |
| - Địa chỉ thường trú  | : | Số 8/26/31 Phương Lưu, phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP Hải Phòng |
| - Trình độ văn hóa    | : | 12/12                                                               |
| - Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân Kinh tế vận tải biển                                        |



|                                         |   |                                                                                                     |
|-----------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Quá trình công tác (tóm tắt)          | : |                                                                                                     |
| o 06/02/1998 -:- 17/5/2002              |   | Nhân viên Văn phòng CTCP Vận tải 1 Traco                                                            |
| o 18/5/2002-:- 11/4/2005                |   | Nhân viên phòng Kinh doanh CTCP Vận tải 1 Traco                                                     |
| o 12/4/2005-:-30/6/2005                 |   | Nhân viên phòng Nhân chính CTCP Vận tải 1 Traco                                                     |
| o 01/7/2005 -:- 04/9/2019               |   | Nhân viên Phòng Kinh doanh CTCP Vận tải 1 Traco                                                     |
| o 05/9/2020 -:- 28/06/2020              |   | Phó trưởng phòng Kinh doanh CTCP Vận tải 1 Traco                                                    |
| o 29/06/2020 -:- nay                    |   | Thành viên Ban kiểm soát CTCP Vận tải 1 Traco kiêm Phó Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Vận tải 1 Traco |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty      | : | Thành viên Ban kiểm soát kiêm Phó phòng Kinh doanh                                                  |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | : | Không                                                                                               |
| - Số cổ phần sở hữu                     | : | 52.101 cổ phần                                                                                      |
| o Đại diện sở hữu                       | : | 0 cổ phần                                                                                           |
| o Cá nhân sở hữu                        | : | 52.101 cổ phần                                                                                      |
| - Hành vi phạm pháp                     | : | Không                                                                                               |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty       | : | Không                                                                                               |
| - Những khoản nợ đối với Công ty        | : | Không                                                                                               |
| - Những người có liên quan              | : |                                                                                                     |
| o Người có liên quan                    | : | Không                                                                                               |
| o Tổ chức có liên quan                  | : | Không                                                                                               |

### 3. Ban lãnh đạo công ty

#### 3.1. Danh sách Ban lãnh đạo

| TT | Họ tên               | Chức vụ           |
|----|----------------------|-------------------|
| 1  | Ông: Đỗ Minh Tuấn    | Tổng Giám đốc     |
| 2  | Bà: Đỗ Thị Bích Thủy | Phó Tổng Giám đốc |
| 3  | Ông: Trần Đức Thành  | Phó Tổng Giám đốc |
| 4  | Bà: Nguyễn Thị Nga   | Kế toán trưởng    |



### 3.2. Sơ yếu lý lịch

**Ông Đỗ Minh Tuấn - Tổng Giám đốc:** đã trình bày SYLL ở phần HĐQT

**Bà Đỗ Thị Bích Thủy - Phó Tổng Giám Đốc:** đã trình bày SYLL ở phần HĐQT

**Ông Trần Đức Thành - Phó Tổng Giám Đốc**

|                                         |   |                                                          |
|-----------------------------------------|---|----------------------------------------------------------|
| - Họ và tên                             | : | <b>Ông: Trần Đức Thành</b>                               |
| - Số CMND                               | : | 031127467                                                |
| - Nơi cấp                               | : | Công an Thành phố Hải Phòng                              |
| - Giới tính                             | : | Nam                                                      |
| - Quốc tịch                             | : | Việt Nam                                                 |
| - Dân tộc                               | : | Kinh                                                     |
| - Năm sinh                              | : | 29/05/1981                                               |
| - Quê quán                              | : | Hải Phòng                                                |
| - Địa chỉ thường trú                    | : | 37A Lô 6 Khu đô thị PG An Đồng, An Dương, Hải Phòng      |
| - Trình độ văn hóa                      | : | 12/12                                                    |
| - Trình độ chuyên môn                   | : | Thạc sĩ kinh tế ngoại thương                             |
| - Quá trình công tác (tóm tắt)          | : |                                                          |
| o T05/2004 -:- 31/10/2005               |   | Nhân viên phòng Kinh doanh tại CTCP Vận tải 1 Traco      |
| o 01/11/2005 -:- 09/2/2006              |   | Nhân viên tại Chi nhánh Lào Cai CTCP Vận tải 1 Traco     |
| o 10/2/2006 -:- 19/11/2006              |   | Nhân viên phòng Kinh doanh tại CTCP Vận tải 1 Traco      |
| o 20/11/2006 -:- 20/4/2008              |   | Tổ trưởng Marketing Phòng Logistics CTCP Vận tải 1 Traco |
| o 21/4/2008 -:- 30/9/2010               |   | Phó phòng Logistics CTCP Vận tải 1 Traco                 |
| o 1/10/2010 -:- 13/2/2011               |   | Quyền Trưởng phòng Logistics CTCP Vận tải 1 Traco        |
| o 14/2/2011 -:- 17/7/2019               |   | Trưởng phòng Logistics CTCP Vận tải 1 Traco              |
| o 18/7/2019 -:- nay                     |   | Phó Tổng giám đốc CTCP Vận tải 1 Traco                   |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty      | : | Phó Tổng giám đốc                                        |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | : | Không                                                    |





|                                   |   |                 |
|-----------------------------------|---|-----------------|
| - Số cổ phần sở hữu               | : | 279.512 cổ phần |
| o Đại diện sở hữu                 | : | 0 cổ phần       |
| o Cá nhân sở hữu                  | : | 279.512 cổ phần |
| - Hành vi phạm pháp               | : | Không           |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | : | Không           |
| - Những khoản nợ đối với Công ty  | : | Không           |
| - Những người có liên quan        | : |                 |
| o Người có liên quan              | : | Không           |
| o Tổ chức có liên quan            | : | Không           |

**Bà Nguyễn Thị Nga - Kế toán trưởng**

|                                    |   |                                                |
|------------------------------------|---|------------------------------------------------|
| - Họ và tên                        | : | <b>Bà: Nguyễn Thị Nga</b>                      |
| - Số CMND                          | : | 030775323                                      |
| - Nơi cấp                          | : | Công an Thành phố Hải Phòng                    |
| - Giới tính                        | : | Nữ                                             |
| - Quốc tịch                        | : | Việt Nam                                       |
| - Dân tộc                          | : | Kinh                                           |
| - Năm sinh                         | : | 04/05/1961                                     |
| - Quê quán                         | : | Hải Phòng                                      |
| - Địa chỉ thường trú               | : | Số 15/2 Chợ Hàng, Đông Hải, Lê Chân, Hải Phòng |
| - Trình độ văn hóa                 | : | 10/10                                          |
| - Trình độ chuyên môn              | : | Kỹ sư Kinh tế vận tải biển                     |
| - Quá trình công tác (tóm tắt)     | : |                                                |
| o T4/1984 -:- 12/1989              |   | Nhân viên giao nhận CTCP Vận tải 1 Traco       |
| o T01/1990 -:- T03/2005            |   | Nhân viên kế toán CTCP Vận tải 1 Traco         |
| o 01/4/2005 -:- 31/12/2005         |   | Phó phòng Kế toán CTCP Vận tải 1 Traco         |
| o 01/01/2006 -:- 31/05/2016        |   | Kế toán trưởng CTCP Vận tải 1 Traco            |
| o 01/6/2016 -:- 30/08/2016         |   | Trợ lý TGĐ CTCP Vận tải 1 Traco                |
| o Từ 09/2016 -:- 09/07/2019        |   | Nghỉ hưu theo chế độ                           |
| o 10/7/2019 -:- nay                |   | Kế toán trưởng CTCP Vận tải 1 Traco            |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | : | Kế toán trưởng                                 |

|                                         |   |                |
|-----------------------------------------|---|----------------|
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | : | Không          |
| - Số cổ phần sở hữu                     | : | 27.725 cổ phần |
| o Đại diện sở hữu                       | : | 0 cổ phần      |
| o Cá nhân sở hữu                        | : | 27.725 cổ phần |
| - Hành vi phạm pháp                     | : | Không          |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty       | : | Không          |
| - Những khoản nợ đối với Công ty        | : | Không          |
| - Những người có liên quan              | : |                |
| o Người có liên quan                    | : | Không          |
| o Tổ chức có liên quan                  | : | Không          |

#### 4. Kế hoạch tăng cường công tác quản trị

Công ty cam kết tuân thủ quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và bộ máy tổ chức của Công ty, đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đã thực hiện thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội Đồng Quản Trị.

Tiếp tục nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra nội bộ, kiểm soát chặt chẽ việc thực thi công việc theo sự phân bổ nhiệm vụ hay sự phân cấp từ Hội đồng quản trị; chỉ đạo, chấn chỉnh kịp thời các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là trong công tác quản lý, hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty

Công ty nghiêm chỉnh chấp hành Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và các quy định khác của pháp luật.

### III. PHỤ LỤC

1. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán
2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019





Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2020

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO**



**CHỦ TỊCH HĐQT**

**ĐỖ THỊ BÍCH THỦY**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐỖ MINH TUẤN**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**NGUYỄN THỊ GIANG**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**NGUYỄN THỊ NGÀ**

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

**GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TCDN**



**NGUYỄN THỊ HẠNH**